

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/HS-ST

Ngày 24 -3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Quàng Thị Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly;

Bà Hà Thị Thơm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lã Thu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2
- Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Kiều Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2026/TLST- HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn S**; Sinh ngày 15/02/1976 tại phường C, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn S1, sinh năm 1949 và bà Lò Thị T (không xác định được năm sinh, đã chết); Bị cáo có vợ là Hoàng Thị X, sinh năm 1979 (đã chết) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 30/6/2014, Lường Văn S bị Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ) xử phạt 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Lường Văn S đã chấp hành xong bản án trên từ ngày 27/8/2016, đã được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 10/6/2025, tạm giam từ ngày 13/6/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Tân Uyên thuộc trại tạm giam Công an tỉnh L.

Bị hại: Bà Lò Thị N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Bản M, xã K, tỉnh Lai Châu.
(*Có mặt*).

Người làm chứng:

- Anh Lục Văn X1;
- Anh Lò Văn M;
- Anh Lò Văn M1.

(Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018, Lường Văn S chung sống như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn) với bà Lò Thị N, sinh năm 1976. Lường Văn S ở cùng nhà với bà Lò Thị N tại bản Mỏ, xã K, tỉnh Lai Châu. Khoảng 19 giờ ngày 09/6/2025, Lò Thị N và Lường Văn S cùng đi uống rượu với một số người quen tại lán ruộng của gia đình anh Lò Văn A (sinh năm 1986, cư trú tại bản Mỏ, xã K, tỉnh Lai Châu). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Lường Văn S và bà N sang nhà Đèo Văn T1 (sinh năm 1969, cư trú cùng bản) để tiếp tục uống rượu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, S và bà N rời khỏi nhà ông T1, Lường Văn S điều khiển xe mô tô đi về trước còn bà N đi bộ theo đường tắt về sau. Trên đường đi về, Lường Văn S bị ngã xe máy, chảy máu ở chân. Khoảng 00 giờ ngày 10/6/2025, khi bà Lò Thị N về tới nhà, thấy Lường Văn S bị ngã xe chảy máu ở chân đang nằm ở giường trong phòng ngủ. Lúc này, bà N trách S đã nghe theo lời nói của người trong mâm rượu (trước đó) mà sinh ghen tuông vô lý rồi đi xe về trước mà không đợi bà N. Từ đó, giữa S2 và bà N đã xảy ra mâu thuẫn. Thấy bà N nói nhiều, Lường Văn S bực tức và muốn bà N không tiếp tục nói nữa. Khi bà N đi đóng cổng và tắt điện ngoài sân rồi đi vào phòng ngủ, Lường Văn S xuống khỏi giường, nhặt 01 con dao nhọn có 01 lưỡi sắc (tổng chiều dài 40 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 26 cm, chỗ rộng nhất 04 cm, cán dao bằng gỗ dài 14 cm) đang để ở nền nhà, sát góc tường gần cuối giường. S dùng tay trái rút bỏ bao dao bằng gỗ để xuống nền, cầm con dao trên tay phải. Khi bà N vừa nói vừa đi vào đến gần cửa phòng ngủ, lúc này S đang đứng quay lưng về phía cửa, S cầm dao tay phải đâm một nhát hướng từ trước ra sau về phía bà Lò Thị N đang đi vào, trúng vào vùng mạn sườn bên trái của bà N, nhằm gây thương tích cho bà N. Sau khi bị đâm, bà N dùng tay phải bịt vào vết thương rồi chạy sang nhà hàng xóm là anh Lục Văn X1 (sinh năm: 1992, cư trú cùng bản) để gọi X1 đưa mình đi cấp cứu. Sau khi dùng dao đâm bà N, S ném con dao xuống nền nhà về phía cuối giường, gần vị trí quạt điện trong phòng ngủ và chạy theo bà N. Trước cổng

nhà Lục Văn X1, do bị đau và mất máu nên bà N ngồi gục xuống, S chạy đến đỡ bà N dậy. Khi anh X1 ra cổng thấy bà N bị thương tích nên gọi hai người em trai của bà N là Lò Văn M1 (sinh năm 1989) và Lò Văn M (sinh năm 1985) đều cư trú cùng bản đưa bà N đi cấp cứu. Sau khi sự việc xảy ra, anh Lò Văn M đi sang vào phòng ngủ bà N nhìn thấy con dao nhọn dính máu đang ở dưới nền nhà nên đã nhặt con dao để ra gần bể nước trước nhà bà N.

Sau khi mọi người đưa bà Lò Thị N đi cấp cứu, Lương Văn S đến trụ sở làm việc của Tổ công tác số 7 Công an tỉnh L tại khu vực huyện T (cũ) để đầu thú. Khi lực lượng Công an đến hiện trường, Lò Văn M đã lấy con dao nhọn dính máu (ký hiệu A1) giao nộp cho lực lượng Công an thu giữ. Ngoài ra, lực lượng Công an còn thu giữ của Lò Văn S3 01 chiếc áo phông ngắn tay có cổ, màu trắng, phía trước bên trái có chữ BIA SAIGON màu xanh, trên áo có nhiều vết màu nâu sẫm bám dính đã khô (nghĩ là máu). Quá trình khám nghiệm hiện trường đã thu giữ 01 hộp đựng dao (bao dao) làm bằng gỗ, kích thước 0,3 x 0,06 m và 01 mẫu máu (ký hiệu A2).

Bệnh án ngoại khoa của Lò Thị N thể hiện: tại vùng bụng bên trái có 01 vết thương rách da chảy máu kích thước 5x5cm. Rửa sạch ổ bụng, kiểm tra tại vùng ngực trái, hạ sườn trái sát bờ dưới xương sườn 11 có vết thương thông thường từ ngoài vào. Tại gan trái có vết thương kích thước 6x1cm, hướng từ trái sang phải xiên thủng tới dây chằng liên gan, đứt bán phần dây chằng liên gan.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 69 ngày 12/6/2025 và Bản Kết luận giám định bổ sung số 83 ngày 07/8/2025 của Trung tâm P kết luận: *Vùng mạn sườn trái ngay cạnh đường giữa đòn bên trái, tương ứng xương sườn số 10, 11 có 01 vết thương, có chiều nằm dọc theo trục cơ thể, được khâu bởi ba mũi chỉ, kích thước dài 3,3cm, rộng 0,3cm, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương của vết thương vùng mạn sườn trái của Lò Thị N tại thời điểm giám định (ngày 11/6/2025) là: 2% (Hai phần trăm). Đường trắng giữa trên rốn có sẹo kích thước dài 14,6cm, rộng 0,2cm. Vùng hố chậu bên phải có sẹo hình gần tròn đường kính 0,4cm. Chụp cắt lớp vi tính ổ bụng: hình ảnh khối tổn thương giảm tỷ trọng nhu mô gan vùng hạ phân thùy III nghi đến tổn thương cũ giai đoạn dịch hóa. Bệnh án ngoại khoa Lò Thị N tại phiếu phẫu thuật, thủ thuật ngày 10/6/2025 có ghi: tại gan trái có vết thương kích thước 6 x 1cm; tiến hành khâu cầm máu gan bằng 02 mũi chỉ. **Tỷ lệ phần trăm tổn thương của Lò Thị N tại thời điểm giám định (ngày 04/8/2025) là 34% (Ba mươi tư phần trăm).** Cơ chế hình thành vết thương, vật gây thương tích: vết thương vùng mạn sườn trái: do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây ra; tại gan trái có vết thương 6 cm x 1cm: do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây ra; sẹo đường trắng giữa trên rốn và sẹo vùng hố chậu bên phải có trong quá trình phẫu thuật, điều trị.*

Bản Kết luận giám định ADN số 363 ngày 19/6/2025 của V kết luận: *Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A1 (lưỡi dao) trùng khớp với ADN của Lò Thị N trên tất cả các locus STR đã phân tích. Không thu được dữ liệu ADN đầy đủ từ mẫu ký hiệu A2 nên không thể so sánh với ADN của Lò Thị Ngắm*.

Đối với con dao nhọn mà Lương Văn S sử dụng để gây thương tích cho Lò Thị N: Bản kết luận giám định số 807 ngày 10/10/2025 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận: *Mẫu vật gửi đến giám định là dao sắc, nhọn – thuộc phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” của Thông tư số 75/2024-TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C*.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lương Văn S 01 áo phong cộc tay, có cổ, màu trắng, phía trước có chữ BIA SAIGON màu xanh, dính nhiều vết dịch màu nâu đã khô (nghĩ là máu). Anh Lò Văn M giao nộp 01 con dao sắc, nhọn có tổng chiều dài 40 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 26cm, phần cán gỗ dài 14 cm. Thu giữ tại hiện trường 01 hộp đựng dao (bao dao) bằng gỗ kích thước 0,3 x 0,06 m và 01 mẫu máu. Đối với mẫu máu (ký hiệu A2) thu giữ tại hiện trường đã gửi giám định, không hoàn lại mẫu vật.

Vật chứng còn lại gồm: 01 con dao sắc, nhọn; 01 hộp đựng dao bằng gỗ; 01 áo phong cộc tay màu trắng. Các vật chứng này hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lò Thị N yêu cầu Lương Văn S bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 20.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 100/CT-VKS-KV2 ngày 28/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu truy tố bị cáo Lương Văn S về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Trước khi mở phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lai Châu quyết định rút một phần quyết định truy tố theo Quyết định số 02/QĐ-VKS ngày 20/3/2026 đối với Lương Văn S, cụ thể: Rút quyết định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu để xét xử đối với Lương Văn S về 02 tội: tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn S từ

02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lương Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 304 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại: Bị cáo Lương Văn S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại là bà Lò Thị N số tiền 20.000.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 con dao sắc, nhọn; 01 hộp đựng dao bằng gỗ; 01 áo phong cộc tay màu trắng.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lương Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo, bị hại thỏa thuận được với nhau về vấn đề dân sự, nhất trí và không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân khu vực 2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử, do có căn cứ xác định hành vi cố ý gây thương tích của Lương Văn S không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự mà thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát Quyết định rút một phần quyết định truy tố là đúng quy định. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng. Căn cứ ý kiến của bị cáo, bị hại, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những làm chứng, vì vậy việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án. Căn cứ vào Điều 293; Điểm d khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Kết luận điều tra, bản Cáo trạng đã truy tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 00 giờ ngày 10/6/2025, tại bản Mờ, xã K, huyện T (cũ), tỉnh Lai Châu (nay là bản Mờ, xã K, tỉnh Lai Châu), do mâu thuẫn với bà Lò Thị N, trong lúc say rượu và bực tức, Lương Văn S đã dùng 01 con dao sắc, nhọn dài 40 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 26 cm, cán gỗ dài 14 cm (thuộc phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” của Thông tư số 75/2024-TT-BCA ngày 15/11/2024 theo Bộ C) đâm 01 nhát theo hướng từ trước ra sau về phía bà Lò Thị N, nhằm gây thương tích cho bà N. Hậu quả: bà Lò Thị N bị thương tích tại vùng mạn sườn bên trái và 01 vết thương có kích thước 6 x 1 cm tại gan trái của Lò Thị N, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 34%.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024: “*Vũ khí quân dụng bao gồm: [...], dao có tính sát thương cao [...] sử dụng với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật; ...*”. Như vậy, con dao sắc, nhọn mà Lương Văn S sử dụng với mục đích xâm phạm sức khỏe (đã gây thương tích cho Lò Thị N) là vũ khí quân dụng.

Bị cáo Lương Văn S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo Lương Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng, Quyết định rút một phần quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu truy tố bị cáo về tội danh, điều khoản áp dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ,

làm mất trật tự trị an tại địa phương, đồng thời xâm phạm chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước do đó cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Lương Văn S sinh ra tại phường C, tỉnh Lào Cai, bị cáo được đi học hết lớp 02/12. Sau khi vợ bị cáo chết, bị cáo sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn với bà Lò Thị N tại xã K, tỉnh Lai Châu. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2014 đã bị xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” đã được xoá án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn S đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nơi bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo Lương Văn S được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 304 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao sắc, nhọn; 01 hộp đựng vỏ dao bằng gỗ; 01 áo phong cộc tay màu trắng là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không còn giá trị sử dụng, bị cáo đề nghị không trả lại áo phong cộc tay nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu huỷ toàn bộ vật chứng nêu trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Lò Thị N và bị cáo đã tự nguyện đã thống nhất thoả thuận về bồi thường thiệt hại và yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung: Bị cáo Lương Văn S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 357 và 468 của Bộ luật dân sự, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, nhận thấy việc thoả thuận bồi thường là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d, đ khoản 1 Điều 12,

Điều 15; điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhận thấy, bị cáo bị kết án và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại thoả thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cần thiết phải có mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[10] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590, 357 và 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ điểm d, đ khoản 1 Điều 12, Điều 15; điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn S phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lường Văn S 02 (Hai) năm 06 (S4) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (Một) năm 06 (S4) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lường Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (B) năm tù.

Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại: Bị cáo Lường Văn S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm cho bị hại là bà Lò Thị N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vỏ dao bằng gỗ, kích thước 0,3m x 0,06m. 01 (một) con dao nhọn dài 40cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm, chỗ rộng nhất 4cm, dao cũ đã qua sử dụng. 01 (một) chiếc áo phong ngắn tay có cổ, màu trắng, phía trước bên trái có chữ BIA SAIGON màu xanh, trên áo có nhiều vết màu nâu sẫm đã khô (nghỉ là máu).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/02/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lai Châu).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho bị cáo Lường Văn S 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo, bị hại.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT, CQTHAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

Quàng Thị Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)